

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2024/DS-PT

Ngày 24-12-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín

Các Thẩm phán:

Bà Bùi Thị Ân

Ông Trần Minh Thật

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Lê Đăng Phương Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 105/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án sơ thẩm số: 41/2024/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 123/2024/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 135/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Dương Văn C**, sinh năm: 195x

Địa chỉ: Đường H, phường P, thành phố N.T, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Dương Minh T1, sinh năm: 199x

2. Bà Dương Thị Minh T2, sinh năm: 198x

Cùng địa chỉ: Đường H, phường P, thành phố N.T, tỉnh Khánh Hòa (theo Giấy ủy quyền ngày 28/11/2024); bà T1, bà T2 vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm: 196x

Địa chỉ: Đường B, phường P, thành phố N.T, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Dương Văn C trình bày:

Ông C có cho bà Nguyễn Thị Thanh T vay nhiều lần tiền để bà T buôn bán tạp hóa. Tổng số tiền ông C cho bà T vay là 58.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông có lúc định giảm bớt cho bà T một ít tiền nhưng vì bà T ghê gớm nên ông không bớt cho bà T nữa. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ 3.000.000 đồng của bà T mà ông chưa tìm ra giấy nợ bản chính. Bà T đã trả cho ông C 2.048.000 đồng. Vì vậy, ông yêu cầu bà T trả tiền vay còn lại là 52.952.000 đồng; ngoài ra, ông C không có yêu cầu gì khác.

- Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Hiện bà T đang điều trị bệnh nên không thể giải quyết được khoản tiền vay cho ông C. Đến hết năm 2024, sau khi xong liệu trình trị bệnh bà T sẽ giải quyết cho ông C.

Tại Bản án sơ thẩm số: 41/2024/DS-ST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 96, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho ông Dương Văn C số tiền là 52.952.000 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn C về yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho ông 3.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/7/2024, bị đơn Nguyễn Thị Thanh T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Bà không xin giảm trả tiền vay. Nhưng hiện bà đang phải điều trị bệnh nặng nên không có khả năng thanh toán một lần số tiền 52.652.000 đồng cho ông C; đề nghị Tòa án cho bà thời gian để thanh toán nợ tiền vay cho ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đối với nội dung bà kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, nhưng tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bà Dương Thị Minh T2 thì nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn. Vì bản thân ông C cũng đang bị bệnh, cần lấy lại tiền đã cho bà T vay để điều trị bệnh và đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

Kể từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí dân sự phúc thẩm, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ngày 15/7/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số: 41/2024/DS-ST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Đơn kháng cáo của bị đơn được gửi đến Tòa án ngày 16/7/2024 là hợp lệ theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Văn C vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

[3.1]. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, có cơ sở khẳng định bà T có vay của ông C nhiều lần với tổng số tiền 55.000.000 đồng; trong đó, ngày 30/9/2021 vay 30.000.000 đồng; ngày 23/10/2021 vay 3.700.000 đồng; ngày 26/10/2021 vay 20.000.000 đồng và ngày 10/12/2022 vay 1.300.000 đồng. Bà T đã trả cho ông C 2.048.000 đồng tiền vay nên còn nợ 52.952.000 đồng. Xét bà T đã vi phạm thời hạn trả nợ tiền vay theo yêu cầu của ông C đề ngày 27/7/2023. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải trả cho ông C tiền nợ vay gốc 52.952.000 đồng là có căn cứ.

[3.2]. Bị đơn Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị Tòa án cho bà thời gian để thanh toán nợ, vì hiện tại bà đang phải điều trị bệnh nặng, nên không có khả năng thanh toán một lần số tiền 52.652.000 đồng cho ông C. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà T; đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để được chấp nhận.

[4]. Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên không giải quyết và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án,
Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho ông Dương Văn C số tiền là 52.952.000 đồng (Năm mươi hai triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn đồng); trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn C về yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho ông 3.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

5. Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Trung Tín